

Số: 420a/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của các ngành đào tạo Trình độ đại học, cao đẳng chính quy

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 416a/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ đại học; cao đẳng chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo của 19 ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy. (Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Bản mô tả chương trình đào tạo của 19 ngành đào tạo, trình độ đại học, cao đẳng chính quy được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.





**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, Trưởng các đơn vị công tác và các cá nhân có liên quan trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT, ĐT-HTQT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Văn Quyên**





**DANH SÁCH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số 420a /QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 7 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)



TT	Bản mô tả chương trình đào tạo
<b>A</b>	<b>Trình độ đại học</b>
1	Kế toán
2	Kinh tế
3	Kỹ thuật Điện
4	Ngôn ngữ Anh
5	Quản trị kinh doanh
6	Quản trị văn phòng
7	Tài chính - Ngân hàng
8	Công nghệ thông tin
9	Marketing
10	Điện tử - Viễn thông
11	Sư phạm Ngữ văn
12	Sư phạm Toán
13	Sư phạm Khoa học Tự nhiên
14	Sư phạm Lịch sử
15	Sư phạm Tiếng Anh
16	Giáo dục Mầm non
17	Giáo dục Tiểu học
18	Giáo dục Thể chất
<b>B</b>	<b>Trình độ Cao đẳng</b>
19	Giáo dục Mầm non

(Án định danh sách gồm 19 ngành)

*Handwritten signature*





## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 420a/QĐ-ĐHHD ngày 28/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

- Tên trường:	Trường Đại học Hải Dương
- Tên chương trình (Tiếng Việt)	Kế toán
- Tên chương trình (Tiếng Anh)	Accounting
- Trình độ đào tạo:	Đại học
- Ngành đào tạo:	Kế toán
- Mã ngành:	7340301
- Loại hình đào tạo:	Chính quy
- Thời gian đào tạo:	4 năm

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Kế toán, kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có ý thức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

###### 1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

- MT01: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- MT02: Có kiến thức về khoa học tự nhiên - xã hội, toán học, tin học, ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

###### 1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- MT03: Có kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, pháp luật kế toán;

- MT04: Có kiến thức nền tảng về kế toán để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế, tài chính, kinh doanh trong môi trường làm việc thực tế.

#### *1.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành*

- MT05: Có kiến thức chuyên sâu về kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính - sự nghiệp, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội - nghề nghiệp;

- MT06: Có kiến thức chuyên sâu về kế toán được đào tạo để thực hiện các công việc trong lĩnh vực kế toán và lĩnh vực tài chính, kinh doanh, quản lý kinh tế; cung cấp thông tin cần thiết để tham mưu, tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định tối ưu.

#### *1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng*

- MT07: Có kỹ năng nhận diện, phát hiện, thu thập, phân tích, xử lý thông tin; kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phản biện; kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn cho các chủ thể quản lý liên quan đến lĩnh vực kế toán và các lĩnh vực có liên quan;

- MT08: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động;

- MT09: Có kỹ năng sử dụng, vận dụng tốt Tiếng Anh và Tin học cơ bản trong công tác, chủ động và tự tin trong việc ra quyết định về chuyên môn;

- MT10: Có kỹ năng sử dụng các phương tiện và vận hành hệ thống phần mềm hỗ trợ phục vụ công việc;

- MT11: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề phức tạp; kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

#### *1.2.3. Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm*

- MT12: Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc;

- MT13: Quyết định, hướng dẫn và giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

#### *2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương*

- PLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lê nin; Chủ nghĩa xã hội Khoa học; tư tưởng Hồ Chí Minh; lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; khoa học tự nhiên; khoa học xã hội và nhân văn; quốc



phòng và an ninh; giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- PLO2: Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận, ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác. Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, tư duy logic, phân tích, giải quyết được những vấn đề mới trong lĩnh vực như: Kế toán, Kinh doanh về cả lý luận và thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới ngày nay.

### **2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành**

- PLO3: Có kiến thức lý thuyết cơ bản về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, pháp luật kế toán..., giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- PLO4: Cung cấp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, đề cập đến các vấn đề kinh tế diễn ra hàng ngày cùng các chính sách điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

### **2.1.3. Kiến thức chuyên ngành**

- PLO5: Có kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu, toàn diện về chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kế toán;

- PLO6: Làm chủ được kiến thức chuyên ngành; vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống kinh tế;

- PLO7: Biết cách phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.

## **2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

- PLO8: Kỹ năng xử lý ghi nhận các giao dịch kinh tế phát sinh vào các sổ kế toán; Kỹ năng lập và trình bày báo cáo tài chính và các báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản trị; Kỹ năng thống kê, xử lý và phân tích thông tin để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý; Phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, để giải quyết các công việc trong lĩnh vực chuyên ngành Kế toán; Hiểu và phân tích được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp trong ngành kế toán, kiểm toán;

- PLO9: Kỹ năng đánh giá được thực trạng và những vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn và áp dụng trong lĩnh vực kế toán, đồng thời có khả năng sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường luôn thay đổi;

- PLO10: Có phương pháp và kỹ năng điều hành, xây dựng, phối hợp đưa ra các quyết định để giải quyết, ứng biến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn và áp dụng cho lĩnh vực kế toán;



- PLO11: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn; Đề xuất các giải pháp để góp phần hoàn thiện chiến lược và chính sách kinh doanh, Kế toán;

- PLO12: Nắm vững kỹ năng giao tiếp bao gồm cả kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, giao tiếp qua thư tín và qua các phương tiện truyền thông; Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc trong nước và môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài;

- PLO13: Có kỹ năng tổ chức và điều hành hội họp, truyền đạt, giới thiệu kiến thức mới về Kế toán và kinh doanh; kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định;

- PLO14: Đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014;

- PLO15: Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

### **2.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm**

- PLO16: Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; phấn đấu trở thành chuyên gia, nhà quản lý giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kế toán; Có trách nhiệm với công việc được giao, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề kế toán, tác phong chuyên nghiệp; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt; chấp hành nội quy, quy chế tại nơi làm việc và tuân thủ luật pháp;

- PLO17: Chứng tỏ khả năng học tập suốt đời, khả năng tự học tự nghiên cứu tự cập nhật kiến thức phát triển nghề nghiệp cá nhân;

- PLO18: Có phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao.

### **3. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH/ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Đối tượng tuyển sinh của chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ Đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **4. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

TT	Khối lượng kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương (không tính GDTC và GDQP&amp;AN)</b>	<b>25</b>	
1	Kiến thức chung	25	
	<i>Phần bắt buộc</i>	25	
	<i>Phần tự chọn</i>	-	
2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	15	
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>100</b>	
1	Kiến thức cơ sở ngành	38	
	<i>Phần bắt buộc</i>	30	
	<i>Phần tự chọn</i>	8	
2	Kiến thức chuyên ngành	46	
	<i>Phần bắt buộc</i>	42	
	<i>Phần tự chọn</i>	4	
3	Nghiệp vụ thực hành, thực tập	10	
4	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế	6	
	<b>Tổng tín chỉ (I+II)</b>	<b>125</b>	

- Tổng số tín chỉ không bao gồm kiến thức GDQP&GDTC: 125 tín chỉ

- Quy định về ký hiệu mã học phần/môn học trong các chương trình đào tạo:  
Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định.

## 5. MA TRẬN KỸ NĂNG

### 5.1. Ma trận chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo (Phụ lục 1)

### 5.2. Ma trận quan hệ giữa học phần, khối kiến thức và chuẩn đầu ra (Phụ lục 2)

## 6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 6.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được thiết kế hoàn thành khóa học trong 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Trường và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế, cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp).

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.



## 6.2. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như thuyết trình, giảng giải, phát vấn, hỏi – đáp, tình huống, mô phỏng, thảo luận nhóm, bài tập... và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết.

## 6.3. Cách thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023, cụ thể:

### *Thang điểm đánh giá*

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A+	9,5 – 10	4.0
A	8.5 – 9,4	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

### *Điểm đánh giá học phần*

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (là các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần) Số bài kiểm tra thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của mỗi học phần

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá thường xuyên)
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
Từ 6 tín chỉ trở lên	3 bài

Trung bình điểm kiểm tra thường xuyên chiếm trọng số 40%

Điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60%

Các điểm kiểm tra đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần	
Điểm HP = (Trung bình điểm KTTX x 4 + Điểm thi kết thúc HP x 6)/10	

#### ***Đánh giá kết quả học tập***

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong học kỳ, trong một năm học hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

- Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

#### **6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (trong đó bao gồm cả chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và công nghệ thông tin).

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

**7. ĐỀ CƯƠNG CÁC MÔN HỌC/HỌC PHẦN (Đính kèm quyển đề cương chi tiết các học phần)**

#### **8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

- Mỗi chuyên ngành đào tạo được xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng nội dung chương trình đào tạo chi tiết phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành và dựa trên cơ sở bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Kế toán.

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học Hải Dương.

- Định kỳ, Trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9. THỜI ĐIỂM CHỈNH SỬA BẢN MÔ TẢ CTĐT: Năm 2023**